TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2025
V/v "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Việt Hồng Phượng;

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 418/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 10 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp về ly hôns"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11/02/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt);

Cư trú: Số E, ấp P, TT C, huyện P, An Giang.

Tạm trú: Số C, đường số A, phường T, quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.

** Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp Vĩnh Thới, xã Vĩnh Hanh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

ĐCLL: Số 35/4B Trần Xuân Soạn, phường Tân Kiểng, quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C vào ngày 22/7/2013. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được một thời gian ngắn, đến năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do có nhiều bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Anh T không chung thủy, thường xuyên đi nhậu qua đêm và có nhắn tin qua lại với người phụ nữ khác nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2024 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Tự vợ chồng thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh T đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị L: Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa;

- Bị đơn anh T: Vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, giải quyết cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn T; về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 7 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T đăng ký thường trú tại xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai những

vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng L xác nhận cuộc sống hôn nhân thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 09 năm, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, Nguyên đơn xác định anh T đã có người phụ nữ khác, sự việc cũng được anh T thừa nhận. Vì vậy tình cảm vợ chồng không còn tồn tại, nếu cuộc sống hôn nhân giữa anh chị kéo dài cũng không hạnh phúc.

Mặt khác, Tòa án đã tống đạt nhiều lần các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa hai người, nhưng bị đơn anh T đều không đến. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh T theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh T vắng mặt tại nhà. Quá trình giải quyết vụ án, anh T đều vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị L đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị L.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng L là được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Chị L xác định quá trình chung sống, vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thị Hồng L có yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn T nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng L. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng L đối với anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0007771 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị L đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng L và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng TT, KT và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh